TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 08/2024/DS-GĐT
Ngày 03-4-2024
V/v Tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản, yêu cầu hủy di chúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có: 14 thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình - Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "*Tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản, yêu cầu hủy di chúc"* giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Đào Nguyên C, sinh năm 1927; cư trú tại: Số 8, Phố Lý Thường K, Phường Phan Chu T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Kim L, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú tại: Số 139 Ngõ 2, phố Giảng V, phường Giảng V, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2020).

- *Bị đơn:* Ông Đào Hồng B, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 8, Phố Lý Thường K, Phường Phan Chu T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Xuân Q, huyện Văn G, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quý Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Xuân Q, huyện Văn G, tỉnh Hưng Yên.

2. Ủy ban nhân dân xã Cửu Q, huyện Văn G, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn L1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cửu Q, huyện Văn G, tỉnh Hưng Yên.

3. Văn phòng Công chứng P (trước đây là Văn phòng Công chứng T, Hà

Nội); trụ sở tại: Số 196, Đường Lê D, Quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H, hộ khẩu thường trú tại: Ô số 37, BT3, Khu Bán đảo L, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội; bà Phạm Thị Hồng H1, hộ khẩu thường trú tại: Xã Hải T, huyện Hải H, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020).

4. Bà Đào Kim H2, sinh năm 1956; cư trú tại: Số 6 D3 khu Vườn Đ, ngõ 685, đường Lạc Long Q, phường Phú T, quận Tây H, thành phố Hà Nội.

5. Bà Đào Kim T, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 87 rue de la C, 33000 Bordeaux, F (Pháp);

Chỗ ở hiện nay: Số 8, Phố Lý Thường K, Phường Phan Chu T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T1; cư trú tại: 1-B2, Tập thể Học viện Nguyễn Ái Q, phường Nghĩa T, quận Cầu G, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2021).

6. Ông Đào Hồng H3, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 162 phố Mai D, phường Mai D, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

7. Bà Trịnh Diệp A, sinh năm 1969 (vợ ông B);

8. Anh Đào Nguyên M, sinh năm 2001 (con ông B);

Cùng cư trú tại: Số 8, Phố Lý Thường K, Phường Phan Chu T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2020, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/12/2020, 24/12/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là cụ Đào Nguyên C ủy quyền cho bà Ngô Kim L là người đại diện trình bày:

Vợ chồng cụ Đào Nguyên C và cụ Đào Thị H4 (chết năm 2009) có 04 người con là các ông, bà: Đào Kim H2, Đào Kim T, Đào Hồng H3 và Đào Hồng B. Các cụ có các tài sản chung như sau:

- Thời gian cụ C còn công tác, cụ C được phân nhà 1 tầng ở Biệt thự số 8, Phố Lý Thường K, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội. Khoảng năm 1994, 1995, vợ chồng cụ C xây dựng lại thành nhà 5 tầng. Ngày 05/11/2002, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho vợ chồng cụ C. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thì các cụ được quyền sở hữu nhà 1 tầng diện tích 54,58m^2 trên diện tích đất sử dụng riêng là 63,6m^2, diện tích sử dụng chung là 182,8m^2.

- Nhà đất ở Đồng X nay là số 162 phố Mai D, phường Mai D, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng cụ C và ông B.

Ngày 23/6/2007, vợ chồng cụ C và các con cụ C cùng lập "Biên bản họp gia đình ông bà Đào Nguyên C và các con" với nội dung: Nhà đất ở số 8, Phố Lý

Thường K chia cho bà T và ông B; ông B có nguyện vọng ra ở riêng và được mua nhà của ông Trần P tại 30 xóm H, Cống Xuân Q, huyện Văn G, tỉnh Hưng Yên với giá 3.000.000.000 đồng; ông B và bà T thỏa thuận bà T trả cho ông B 3.000.000.000 đồng, bà T được toàn quyền sở hữu nhà số 8, Phố Lý Thường K. Nhà đất ở Mai D chia cho bà H2 và ông H3.

Sau đó, bà H2 và ông H3 thống nhất để ông H3 sử dụng toàn bộ nhà đất ở Mai D. Vì vậy, vợ chồng cụ C, ông B đã lập Hợp đồng tặng cho ông H3 toàn bộ nhà đất ở Mai D và ông H3 đã được đứng tên trên Giấy chứng nhận.

Ngày 20/12/2007, ông B và bà T cùng ký Giấy biên nhận có nội dung ông B cùng vợ là bà Trịnh Diệp A đã nhận của bà T 1.500.000.000 đồng để mua nhà đất 30 xóm H; còn bà T sẽ được hưởng toàn bộ nhà đất ở số 8, Phố Lý Thường K. Khi đó vợ chồng cụ C góp 1.500.000.000 đồng để mua nhà 30 xóm H. Sau khi mua nhà đất 30 xóm H (nhà 4 tầng xây dựng trên diện tích đất 800m^2), ông B đã đầu tư sửa lại nhà hết khoảng 1.500.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2009, vợ chồng cụ C lập di chúc chung để lại toàn bộ nhà đất tại số 8, Phố Lý Thường K cho bà T. Di chúc được Văn phòng Công chứng T công chứng, nhưng đến nay cụ C vẫn sinh sống tại nhà số 8, Phố Lý Thường K cùng vợ chồng ông B.

Do nhà đất ở 30 Xóm H chưa hợp pháp, giấy tờ liên quan đến tài sản này chưa đúng theo quy định của pháp luật, có nguy cơ bị Nhà nước thu hồi, cuộc sống của ông B sẽ khó khăn, nên cụ C khởi kiện yêu cầu: Hủy Biên bản họp gia đình ngày 23/6/2007; yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng cụ C; hủy phần di chúc chung giữa cụ C với cụ H4 đối với phần di chúc của cụ C; yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H4 theo pháp luật. Cụ C xác định tài sản chung của vợ chồng cụ là nhà số 8, Phố Lý Thường K và ½ nhà đất tại 30 xóm H; còn ½ nhà đất tại 30 xóm H là của bà T vì đây là khoản tiền bà T góp cùng vợ chồng cụ C để mua tài sản này. Khi chia tài sản, cụ C yêu cầu được thanh toán công sức trong việc bảo quản, duy trì di sản của cụ H4 và đề nghị được nhận bằng hiện vật. Phần tài sản của cụ C hưởng bằng hiện vật tại nhà đất số 8, Phố Lý Thường K và 50% nhà đất tại 30 xóm H cụ cho ông B.

Bị đơn là ông Đào Hồng B trình bày:

Ông nhất trí với lời trình bày của cụ C về quan hệ huyết thống, tài sản của cha mẹ và phán quyết về tài sản của cha mẹ. Tại nhà đất số 8, Phố Lý Thường K, ông có lắp thang máy để cụ C đi lại thuận tiện. Còn nhà đất ở số 30 xóm H là tài sản của vợ chồng cụ C và bà T. Vì sau khi gia đình có một số thỏa thuận về việc phân chia tài sản, vợ chồng cụ C mua nhà đất của ông Trần P, người đứng tên mua là ông, nhưng giao dịch là cụ C. Nguồn tiền mua là của cụ C 1.500.000.000 đồng, bà T góp 1.500.000.000 đồng. Ông chỉ có công sức trong việc tu sửa lại ngôi nhà với giá khoảng 1.500.000.000 đồng. Đến nay, nhà đất ở 30 xóm H chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đào Kim H2 trình bày: Bà nhất trí như yêu cầu khởi kiện của cụ C. Cụ C được quyền định đoạt đối với tài sản của cụ. Trường hợp chia thừa kế di sản của cụ H4 theo quy định pháp luật thì kỷ phần thừa kế của bà, bà tự nguyện để cụ C hưởng.

- Ông Đào Hồng H3 trình bày: Ông nhất trí như lời khai của cụ C về quan hệ huyết thống gia đình, về các khối tài sản của hai cụ. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận Biên bản họp gia đình lập ngày 23/6/2007. Tài sản nhà đất của ông ở Mai D được hai cụ cho đã mang tên ông trên Giấy chứng nhận nhà đất nên là tài sản của ông. Trường hợp chia thừa kế di sản của cụ H4 theo quy định pháp luật, thì ông tự nguyện không yêu cầu hưởng.

- Bà Đào Kim T trình bày:

Bà nhất trí về quan hệ huyết thống như lời khai của cụ C.

Về tài sản: Ngày 23/6/2007, vợ chồng cụ C đã họp gia đình và lập biên bản với nội dung cho bà và ông B nhà đất ở số 8, Phố Lý Thường K; cho bà H2 và ông H3 nhà đất ở Mai D. Tại thời điểm làm biên bản họp gia đình, ông B có nguyện vọng ở riêng và sẽ mua nhà, đất của ông Trần P tại 30 xóm H; vì vậy, vợ chồng cụ C đã tự định giá nhà đất ở số 8, Phố Lý Thường K là 6.000.000.000 đồng; vợ chồng cụ C và ông B đề nghị bà trả 3.000.000.000 đồng tương đương trị giá của 1/2 nhà đất số 8, Phố Lý Thường K để mua nhà đất ở 30 xóm H cho ông B; còn bà được toàn quyền sở hữu nhà đất số 8, Phố Lý Thường K. Khi vợ chồng cụ C còn sống có quyền ở tại nhà đất số 8, Phố Lý Thường K. Còn ông B trong trường hợp cần thiết có nhiệm vụ chăm sóc hai cụ, được tạm ở 1 tầng để tiện cho con cái đi học nhưng không có quyền sở hữu nhà đất. Khi nào bà yêu cầu thì ông B phải trả nhà đất cho bà. Do bà lấy chồng người Pháp nhưng chung sống không hạnh phúc và vẫn ở nhờ nhà của chồng (trước khi kết hôn bà đã ký giấy xác nhận tài sản riêng của chồng), hiện đã ly thân; khi về Việt Nam bà đều về ở tại nhà số 8, Phố Lý Thường K, nên bà đã nhất trí theo đề nghị của vợ chồng cụ C và ông B.

Để thực hiện theo đúng mong muốn của vợ chồng cụ C và ông B, bà đã đưa tiền cho cụ C hai lần tổng là 2.000.000.000 đồng. Trong đó lần thứ nhất bà đưa 1.500.000.000 đồng vào ngày 20/7/2007, cụ C là người viết giấy biên nhận, bà và ông B cùng ký tên, sau đó cụ C ký tên người làm chứng. Lần thứ hai, vào khoảng đầu năm 2008, bà đưa số tiền 500.000.000 đồng cho cụ C, không giấy tờ. Tại giấy biên nhận tiền ngày 20/7/2007, ông B khẳng định tiền để mua nhà đất ở 30 xóm H cho ông B, còn bà được sở hữu nhà đất số 8, Phố Lý Thường K. Sau khi nhận tiền, cụ C và ông B đã mua nhà đất tại số 30 xóm H của ông Trần P, ông B cũng đã sửa lại nhà nhưng không rõ lý do gì mà không ở, chỉ cuối tuần mới ra nghỉ ngơi.

Việc mua bán nhà đất cho ông B đã xong, nên ngày 14/01/2009, tại Văn phòng Công chứng T, vợ chồng cụ C lập di chúc để lại cho bà toàn bộ nhà đất số 8, Phố Lý Thường K. Bản chính di chúc và các giấy tờ có liên quan đều do bà giữ. Ngày 27/9/2009, cụ H4 chết. Cụ C và vợ chồng ông B vẫn ở tại nhà đất số 8,

Phố Lý Thường K. Bà cũng đồng ý cho vợ chồng ông B ở cùng để chăm sóc cụ C và để các cháu đi học (đúng như thỏa thuận trong Biên bản họp gia đình ngày 23/6/2007).

Sau đó, bà sửa chữa nhà số 8, Phố Lý Thường K hết khoảng 500.000.000 đồng. Còn số tiền 1.000.000.000 đồng bà chưa chuyển hết cho ông B do thực tế nhà đất ở 30 xóm H đã mua cho ông B xong. Bà không rõ mua nhà đất này hết bao nhiêu, nhưng bà cũng đã chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông B cũng đã sửa sang nhà đất đó để ở. Mặt khác, trong Biên bản họp gia đình, bà và ông B không thỏa thuận thời gian để bà trả toàn bộ số tiền 3.000.000.000 đồng là khi nào. Ông B cũng không nhắc nhở gì và điều kiện kinh tế của bà cũng chưa đủ khả năng. Bà sẽ cố gắng thu xếp để trả đủ cho ông B. Ngoài ra, bà còn đưa cho cụ C 16 lượng vàng, cụ C đã thừa nhận việc này.

Nay cụ C khởi kiện đến Tòa án, bà không đồng ý với tất cả các yêu cầu của cụ C. Biên bản họp gia đình ngày 23/6/2007 không có công chứng, chứng thực theo quy định (sai về hình thức) nhưng nội dung của giao dịch dân sự này thể hiện ý chí nguyện vọng của các bên và thực tế đã thực hiện nhiều hơn 2/3 nghĩa vụ theo thỏa thuận, Biên bản này có sự chứng kiến của luật sư Phan Nguyên T2 - luật sư Văn phòng Luật sư L, nên Biên bản này là một giao dịch dân sự hợp pháp. Vì vậy, bà xác định nhà đất số 8, Phố Lý Thường K là tài sản của bà, còn nhà đất ở 30 xóm H là của ông B. Bà đề nghị bác đơn khởi kiện của cụ C, công nhận cho bà ½ nhà số 8, Phố Lý Thường K theo di chúc của cụ H4, công nhận cho bà 2/3 di sản của cụ C do bà đã trả 2/3 số tiền 3.000.000.000 đồng để mua nhà 30 xóm H. Nếu Tòa án chia đều nhà số 8, Phố Lý Thường K và nhà đất 30 xóm H thì bà cũng đồng ý (BL 419, người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày). Tại Thư điện tử ngày 28/4/2021, bà T có ý kiến đề nghị được hưởng 50% nhà số 8, Phố Lý Thường K (nhận phần nhà có nhà vệ sinh, để phần nhà có cầu thang máy cho cụ C đi lại được thuận tiện), 50% nhà đất 30 xóm H; nhà đất 30 xóm H định giá 9.430.000.000 đồng, nếu cụ C, ông B lấy nhà thì trả bà 4.715.000.000 đồng hoặc bà trả cho cụ C, ông B 4.715.000.000 đồng để lấy toàn bộ nhà 30 xóm H.

- Văn phòng Công chứng P (trước đây là Văn phòng Công chứng T) do ông Nguyễn Hoàng H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Sau khi Văn phòng Công chứng kiểm tra các tài liệu có liên quan đến việc cụ C, cụ H4 yêu cầu công chứng lập di chúc thì thấy hồ sơ tài liệu đủ theo quy định pháp luật; người lập di chúc là cụ C và cụ H4 đều minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép; nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội... nên Văn phòng Công chứng đã hoàn thiện thủ tục và công chứng bản di chúc cho 02 cụ theo đúng quy định pháp luật.

- Bà Trịnh Diệp A (vợ ông B) và anh Đào Nguyên Minh (con ông B): Nhất trí với lời khai của ông B.

- Ủy ban nhân dân xã Xuân Q do ông Lê Quý Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đại diện có quan điểm: Thửa đất số 30 xóm H nằm trên bờ kênh công trình thủy lợi Bắc Hưng H. Thực tế người dân đã được trạm quản lý công trình Thủy

lợi giao cho công nhân công trình sử dụng từ những năm 1970 cho đến nay. Tuy nhiên, việc đăng ký kê khai sử dụng đất và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân ở tại vị trí đất trên trong đó có thửa đất số nhà 30 thuộc hộ gia đình cụ Đào Nguyên C chưa được tiến hành theo quy định. Vì vậy, đến thời điểm này các thửa đất trên chưa thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các hộ dân sinh sống tại đó theo quy định pháp luật. Hiện tại các thửa đất trên chưa có trích lục hồ sơ thửa đất.

- Ủy ban nhân dân xã Cửu C do ông Vũ Văn L1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đại diện có quan điểm: Qua kiểm tra sổ sách quản lý đất đai của địa phương thì nhà đất số 30 xóm H nằm trên địa bàn của Ủy ban nhân dân xã Cửu C nhưng Ủy ban nhân dân xã không quản lý mà quyền quản lý thuộc về hành lang bảo vệ thủy lợi công trình Bắc Hưng H. Vì vậy không có hồ sơ thửa đất này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 07/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của cụ Đào Nguyên C về việc hủy một phần di chúc chung; yêu cầu chia tài sản chung; yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đào Thị H4.

2. Hủy một phần "Di chúc chung của vợ chồng" do cụ Đào Nguyên C và cụ Đào Thị H4 lập ngày 14/01/2009 đã được Văn phòng Công chứng T công chứng - số công chứng 90.2009/DC.

3. Xác định tài sản chung của cụ Đào Nguyên C và cụ Đào Thị H4:

Nhà đất số 8, Phố Lý Thường K =11.447.484.248 đồng.

Tài sản chung chia 2: Cụ Đào Nguyên C hưởng 1/2 = 5.723.742.124 đồng và cụ Đào Thị Hồng ½= 5.723.742.124 đồng.

Tiền mặt chung của hai cụ là 1.500.000.000 đồng; chia 2, mỗi cụ ½ = 750.000.000 đồng.

Xác định công sức của bà Đào Kim T sửa chữa tầng 3 nhà số 8, Phố Lý Thường K trị giá 300.000.000 đồng.

Xác định tài sản của vợ chồng ông Đào Hồng B là cầu thang máy lắp đặt tại nhà số 8, Phố Lý Thường K trị giá 207.030.000 đồng.

4. Mở thừa kế chia di sản của cụ H4 theo di chúc:

- Thời điểm mở thừa kế là năm 2009.

- Xác định Di chúc chung của cụ C và cụ H4 lập năm 2009, có hiệu lực đối với phần di chúc của cụ H4.

- Di sản của cụ H4 có ở nhà số 8, Phố Lý Thường K trị giá 5.723.742.124 đồng, trong đó có công sức quản lý duy trì di sản của cụ H4 cho cụ C và vợ chồng ông B = 1.144.748.400 đồng. Trong đó công sức của cụ C 1/3 = 381.582.800 đồng, của vợ chồng ông B là: 763.165.600 đồng.

Vì vậy di sản của cụ H4 có ở nhà số 8, Phố Lý Thường K sau khi thanh

toán công sức quản lý, duy trì là (5.723.742.124 đồng - 1.144.748.400 đồng) = 4.578.993.724 đồng.

- Cụ Đào Nguyên C được hưởng thừa kế của cụ H4 (không phụ thuộc vào di chúc của cụ H4) = 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật 610.532.496,532 đồng.

- Chia thừa kế di sản của cụ H4 theo di chúc cho bà Đào Kim T được hưởng là: (4.578.993.724 đồng - 610.532.496,532 đồng) = 3.968.461.228 đồng.

5. Mở thừa kế chia di sản của cụ H4 là tiền mặt 750.000.000 đồng theo pháp luật như sau:

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H4 gồm có: Cụ Đào Nguyên C, và các con là bà Đào Kim H2, bà Đào Kim T, ông Đào Hồng H3 và ông Đào Hồng B.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đào Hồng H3 không yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ H4.

- Chia thừa kế theo pháp luật, cụ Đào Nguyên C và các con là bà Đào Kim H2, bà Đào Kim T, ông Đào Hồng B. Mỗi thừa kế được chia 1/4 di sản là: 187.500.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H2 về việc kỷ phần thừa kế của bà H2 để cụ C hưởng. Như vậy, cụ C được hưởng 02 kỷ phần thừa kế: (187.500.000 đồng x 2) = 375.000.000 đồng.

6. Kỷ phần của các đương sự sau khi chia tài sản chung và chia thừa kế:

6.1. Tổng cộng tài sản của cụ C có giá trị là:

Tài sản chung chia với cụ H4: (5.723.742.124 đồng + 750.000.000 đồng).

Công sức quản lý duy trì di sản của cụ H4 là 381.582.800 đồng.

Kỷ phần thừa kế được chia không phụ thuộc di chúc có giá trị là 610.532.496,532 đồng.

Kỷ phần thừa kế được chia theo pháp luật có giá trị là 375.000.000 đồng.

Tổng cộng = 7.840.857.420 đồng.

6.2. Tổng cộng tài sản của vợ chồng ông B có giá trị là:

Công sức quản lý duy trì di sản của cụ H4 là 763.165.600 đồng.

Kỷ phần thừa kế được chia theo pháp luật có giá trị là 187.500.000 đồng.

Giá trị thang máy nhà 5 tầng là 207.030.000 đồng.

Tổng cộng = 1.157.695.600 đồng.

6.3. Tổng cộng tài sản của bà T3 có giá trị là:

Công sức sửa chữa tầng 3 nhà 5 tầng: 300.000.000 đồng.

Kỷ phần thừa kế theo di chúc: 3.968.461.228 đồng.

Kỷ phần thừa kế được chia theo pháp luật: 187.500.000 đồng.

Tổng cộng = 4.455.961.228 đồng.

7. Chia bằng hiện vật như sau:

- Chia cho cụ Đào Nguyên C:

+ Tại nhà đất số 8, Phố Lý Thường K: Quyền sử dụng đất 39,5m^2 đất có giá trị 6.201.500.000 đồng và phần nhà trên diện tích đất được chia có diện tích 234,7m^2 trị giá = 1.038.433.623,56 đồng; sở hữu thang máy có giá trị = 207.030.000 đồng.

Cộng = 7.446.963.623,56 đồng. So với tài sản cụ C được chia còn thiếu là (7.840.857.420 đồng - 7.446.963.623,56 đồng) = 393.893.800 đồng.

Quyền sử dụng 39,5m^2 đất được giới hạn bởi các điểm (A, 5, 6, 7, 8, 8', B, A) thể hiện trên sơ đồ nhà đất kèm theo bản án.

- Chia cho bà Đào Kim T:

+ Tại nhà đất số 8, Phố Lý Thường K: Quyền sử dụng đất 24,1m^2 có giá trị 3.783.700.000 đồng và phần nhà trên diện tích đất được chia có diện tích 163,6m^2 trị giá 723.850.621,28 đồng.

Cộng = 4.507.550.621,28 đồng. So với kỷ phần được chia bà T3 còn chênh lệch thừa là (4.507.550.621 đồng - 4.455.961.228 đồng) = 51.589.400 đồng.

Quyền sử dụng 24,1m^2 đất được giới hạn bởi các điểm (A, B, C, 3, 4, A) thể hiện trên sơ đồ nhà đất kèm theo bản án.

- Về thanh toán chênh lệch khi chia bằng hiện vật cho các bên như sau:

+ Cụ C còn thiếu 393.893.800 đồng, bà T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch thừa cho cụ C 51.589.400 đồng. Ông B có trách nhiệm thanh toán cho cụ C: 342.304.400 đồng.

+ Ông Đào Hồng B còn thiếu toàn bộ số tiền ông được chia là 1.157.695.600 đồng và số tiền ông phải trả cụ Đào Nguyên C 342.304.400 đồng = 1.500.000.000 đồng. Số tiền thiếu này, ông B sẽ được xem xét khi giải quyết việc liên quan đến giao dịch chuyển nhượng nhà đất ở 30 xóm H, Xuân Q, Hưng Yên. Giao ông B quản lý nhà ở 30 xóm H và tạm quản lý diện tích 778,8m^2 ở 30 xóm H, Xuân Q, Văn G, Hưng Yên. Ông B có trách nhiệm tuân thủ quy định của nhà nước về quản lý đất đai.

8. Căn cứ quyết định của Bản án, cụ Đào Nguyên C và bà Đào Kim T được chia bằng hiện vật là nhà đất ở số 8, Phố Lý Thường K có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhà 5 tầng xây dựng quá diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay cụ C và bà T được chia phần nhà theo diện tích đất thì có trách nhiệm phá dỡ phần diện tích nhà xây quá diện tích đất được chia khi Nhà nước có yêu cầu. Bên nào có nhu cầu xây lại phần nhà được chia hoặc sửa chữa phải đảm bảo tuyệt đối về kết cấu xây dựng và an toàn của phần nhà phía bên

kia. Nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định pháp luật.

Bà T tự tạo cầu thang để đi lên các tầng nhà. Các bên tự mở lối đi từ nhà ra ngõ đi chung.

Dành lại quyền khởi kiện cho các bên đương sự liên quan đến giao dịch dân sự mua bán nhà đất số 30 xóm H, Xuân Q trong đó có số tiền 1,5 tỷ đồng của bà T góp mua; có số tiền 1,5 tỷ đồng của cụ C góp mua (nay chuyển sang là tiền của ông B) và tiền chi phí sửa chữa nhà của vợ chồng ông B.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Đào Kim T có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 128/2022/DS-PT ngày 12/5/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Kim T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Đào Kim T có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/QĐ-VKS-DS ngày 12/6/2023 và Quyết định bổ sung Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/QĐ-VKS-DS ngày 29/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 128/2022/DS-PT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 128/2022/DS-PT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/QĐ-VKS-DS ngày 12/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

[1.1] Tại "Biên bản họp gia đình ông bà Đào Nguyên C và các con" ngày 23/6/2007 thể hiện: vợ chồng cụ C cùng các con đồng ý cho bà T và ông B nhà số 8, Phố Lý Thường K; ông B và bà T thỏa thuận bà T trả cho ông B 3.000.000.000 đồng để ông B mua nhà đất 30 xóm H, còn bà T sẽ được toàn bộ nhà số 8, Phố Lý Thường K. Sau đó, bà T đưa cho ông B 1.500.000.000 đồng; cụ

C góp 1.500.000.000 đồng để ông B mua nhà đất 30 xóm H. Ngày 12/01/2008, ông B đã đứng tên nhận chuyển nhượng nhà đất 30 xóm H. Sau khi ông B mua xong nhà đất 30 xóm H thì ngày 14/01/2009, vợ chồng cụ C lập di chúc để lại toàn bộ nhà số 8, Phố Lý Thường K cho bà T. Như vậy, ngay tại thời điểm năm 2009, các bên chưa thực hiện đúng Biên bản ngày 23/6/2007. Cụ thể, bà T mới đưa cho ông B 1.500.000.000 đồng, còn vợ chồng cụ C cũng chưa sang tên nhà đất số 8, Phố Lý Thường K cho bà T. Đến thời điểm tranh chấp, bà T vẫn chưa đưa đủ tiền cho ông B như đã thỏa thuận và nhà số 8, Phố Lý Thường K vẫn mang tên vợ chồng cụ C. Do đó, việc cụ C đề nghị hủy phần di chúc của cụ C trong di chúc chung với cụ H4 là phù hợp với quy định tại Điều 664 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ C, hủy một phần di chúc chung của vợ chồng cụ C đối với phần di chúc của cụ C; chia tài sản chung của vợ chồng cụ C và chia di sản thừa kế của cụ H4 đối với nhà số 8, Phố Lý Thường K là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Khi mua nhà đất 30 xóm H, bà T đưa cho ông B 1.500.000.000 đồng, vợ chồng cụ C góp 1.500.000.000 đồng. Cụ C xác định nhà đất 30 xóm H là tài sản của vợ chồng cụ C và của bà T, mỗi bên 50%. Tuy nhiên, giao dịch mua bán nhà đất 30 xóm H chưa phù hợp với quy định của pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm không có căn cứ để chia nhà đất 30 xóm H, mà chỉ xem xét chia số tiền 1.500.000.000 đồng nêu trên của vợ chồng cụ C là có căn cứ. Do ông B là người tham gia giao dịch nhận chuyển nhượng nhà đất 30 xóm H và cũng đã đầu tư xây dựng vào nhà đất này, nên Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm quyết định giao cho ông B quản lý nhà đất 30 xóm H, ông B có trách nhiệm hoàn trả vợ chồng cụ C 1.500.000.000 đồng là hợp lý. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã quyết định số tiền ông B được hưởng thừa kế từ cụ H4, công sức quản lý, duy trì di sản của cụ H4, giá trị thang máy ông B đã lắp tại nhà số 8, Phố Lý Thường K tổng cộng là 1.157.695.600 đồng, ông B chưa được nhận, mà phải chuyển sang cho cụ C; đồng thời, ông B phải trả thêm cho cụ C 342.304.400 đồng cho đủ 1.500.000.000 đồng, để ông B được nhận ½ nhà đất 30 xóm H của vợ chồng cụ C là có căn cứ. Hơn nữa, sau khi có Quyết định kháng nghị, ông B vẫn có đơn khẳng định phần quyết định này của Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là đúng với yêu cầu của ông B. Do đó, Quyết định kháng nghị đặt ra là *"Bản án tuyên cấn trừ tiền công sức, tiền lắp thang máy của ông B sang cho cụ C để ông B được nhận ½ nhà số 30 xóm H, Xuân Q mà không được sự đồng ý của ông B cũng là không đúng, gây thiệt hại đến quyền lợi của ông B"* là không có cơ sở.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xác định số tiền 1.500.000.000 đồng ông B đã hoán đổi cho cụ C nêu trên là tài sản chung của vợ chồng cụ C và xác định cụ C, cụ H4 mỗi người có 750.000.000 đồng. Trên cơ sở xác định khối tài sản chung của vợ chồng cụ C có là nhà số 8, Phố Lý Thường K và 1.500.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã chia cho cụ C 7.840.857.420 đồng, bà T 4.455.961.228 đồng là có căn cứ.

[1.3] Bà T là người đưa cho cụ C 1.500.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng nhà đất 30 xóm H. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/4/2019, ông Trần Quang

T1 là người đại diện cho bà T có ý kiến *"nếu Tòa chia đều nhà đất ở số 8, Phố Lý Thường K và Xuân Q thì bà T cũng đồng ý"* (BL 419); tại Thư điện tử ngày 28/4/2021, bà T cũng có mong muốn được nhận 50% nhà đất 30 xóm H (BL 396-399). Tuy nhiên, nhà đất 30 xóm H chưa có giấy tờ hợp lệ; ông B là người có quyền lợi đối với nhà đất 30 xóm H như đã phân tích tại mục [1.2] nêu trên và đã đầu tư khoảng 1.500.000.000 đồng để sửa chữa lại nhà, nên Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm quyết định "*Dành lại quyền khởi kiện cho các bên đương sự liên quan đến giao dịch mua bán nhà đất số 30 xóm H trong đó có số tiền 1,5 tỷ đồng của bà T góp mua; có số tiền 1,5 tỷ đồng cụ C góp mua (nay chuyển sang là tiền của ông B) và tiền chi phí sửa chữa nhà của vợ chồng ông B"* là đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/QĐ-VKS-DS ngày 12/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

[2] Đối với Quyết định bổ sung Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/QĐ-VKS-DS ngày 29/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

[2.1] Tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân Phường Phan Chu T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội cho biết: Theo quy định của thành phố Hà Nội, khi tách thửa phải đảm bảo đủ 30m^2 mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; căn cứ theo Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, nhà số 8, Phố Lý Thường K, quận Hoàn K thuộc biệt thự nhóm 2, diện tích nhà đất ông B đang tranh chấp nằm trong khuôn viên đất của biệt thự số 8, Phố Lý Thường K; hiện trạng nhà đất (4 tầng + tum) của cụ C không thuộc diện bảo tồn, nhà sở hữu tư nhân (Giấy chứng nhận do Sở Địa chính nhà đất cấp ngày 25/10/2002); khảo sát thực địa, phần nhà đất Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm chia cho bà T có lối đi ra sân chung, có nhà vệ sinh, nhưng không có cầu thang; phần nhà đất chia cho cụ C có lối đi ra sân chung, có cầu thang, nhưng không có nhà vệ sinh.

[2.2] Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quy định về hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất; kích thước, diện tích tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội (Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H) thì diện tích đất giao cho bà T 24,1m^2 là không đủ điều kiện tách thửa; nếu chia đất đủ điều kiện tách thửa (30m^2) thì không phù hợp với kết cấu xây dựng của nhà số 8, Phố Lý Thường K. Do đó, để bảo đảm về mặt pháp lý và giá trị sử dụng của công trình nhà số 8, Phố Lý Thường K, cần giải quyết lại vụ án theo hướng để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia di sản thừa kế; trường hợp các bên không thỏa thuận được thì cần giao nhà đất cho một bên sở hữu, sử dụng và thanh toán giá trị cho bên kia. Khi xem xét giao nhà đất cho một bên, cần căn cứ vào việc tạo lập tài sản, kỷ phần được hưởng, công sức bảo quản di sản thừa kế, công sức chăm sóc người để lại di sản, thời gian sinh sống tại đó và nhu cầu sử dụng của các đương sự; trên cơ sở đó xác định ai có công sức nhiều hơn thì được hưởng nhà đất số 8, Phố Lý Thường K và có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho bên kia.

Do đó, có căn cứ chấp nhận Quyết định bổ sung Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/QĐ-VKS-DS ngày 29/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/QĐ-VKS-DS ngày 12/6/2023; chấp nhận Quyết định bổ sung Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 18/QĐ-VKS-DS ngày 29/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 128/2022/DS-PT ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần chia hiện vật là nhà đất số 8, Phố Lý Thường K đối với vụ án "Tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản, yêu cầu hủy di chúc" giữa nguyên đơn là cụ Đào Nguyên C với bị đơn là ông Đào Hồng B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 - VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKT II TANDTC (2 bản), Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hòa Bình